

NHỮNG GIẢI PHÁP VỀ LOGISTICS CHO DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

LOGISTICS SOLUTIONS FOR TOURISM IN BA RIA - VUNG TAU PROVINCE

Đỗ Thanh Phong*

TÓM TẮT

Ngành logistics và du lịch đã và đang có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của nền kinh tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy vậy, những bất cập về liên kết, phối hợp; chính sách; cơ sở hạ tầng du lịch; nguồn nhân lực và phương tiện vận chuyển của logistics cũng đang làm giảm sức cạnh tranh và sự đa dạng của sản phẩm du lịch Bà Rịa - Vũng Tàu. Dưới đây là một số giải pháp về logistics nhằm góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển du lịch Bà Rịa - Vũng Tàu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vào năm 2030.

Từ khóa: logistics, chuỗi cung ứng, du lịch, sản phẩm, hiệu quả.

ABSTRACT

Logistics and tourism have been making positive contributions to the development of Ba Ria - Vung Tau province. However, the inadequacies of linkage, coordination; policy; tourism infrastructure; Human resources and transportation means of logistics are also reducing the competitiveness and diversity of tourism products in Ba Ria - Vung Tau. Here are some solutions on logistics to contribute to realizing the Ba Ria - Vung Tau tourism development target to become a key economic sector in 2030.

Keywords: logistics, the supply chain, tourism, product, efficiency.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuật ngữ “Logistics” được nhắc đến nhiều trong thời gian gần đây, nhất là trong lĩnh vực cảng biển, vận tải quốc tế, vận chuyển hàng hóa. Đối với du lịch, ta có thể thấy rõ các bộ phận cấu thành của logistics, ví dụ: nhà cung ứng, nhà hàng, khách sạn, các công ty du lịch lữ hành và các công ty vận tải. Nhiệm vụ của logistics là làm sao mang được hàng hóa/dịch vụ tới tay khách hàng với chi phí thấp nhất với mức phục vụ mong muốn xác định trước. Các vấn đề cơ bản ảnh hưởng đến hiệu quả của logistics bao gồm: liên kết, phối hợp; chính sách; cơ sở hạ tầng du lịch; nguồn nhân lực và phương tiện vận chuyển. Với cách quản trị trước đây, mỗi khâu trong logistics đều cố gắng đạt hiệu quả cao nhất tại khâu của mình mà không chú trọng đến các khâu khác trong logistics. Điều này có thể dẫn đến tối ưu hóa cục bộ, có nghĩa là chi phí tại từng mắt xích có thể tối ưu nhưng chi phí toàn chuỗi chưa chắc thấp nhất.

* Thạc sĩ, Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu mô tả có phân tích, kết hợp với nghiên cứu định tính. Nghiên cứu tiến hành thu thập số liệu từ các nhân tố gồm: tính liên kết, phối hợp; chính sách, cơ sở hạ tầng du lịch, nguồn nhân lực và phương tiện vận chuyển ảnh hưởng đến doanh thu du lịch của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chúng tôi điều tra phỏng vấn 60 doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực lưu trú và lữ hành trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ tháng 08 năm 2017 đến tháng 09 năm 2017. Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm IBM SPSS (Statistical Package for Social Science) phiên bản 20 và thuật toán thống kê.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

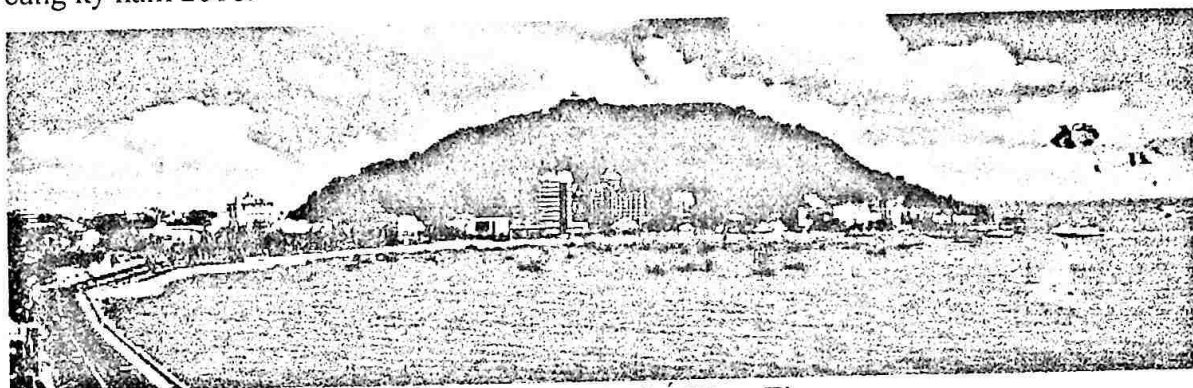
3.1. Mục tiêu du lịch Bà Rịa – Vũng Tàu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

Nghị quyết số 08/NQ/TW ngày 16.1.2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch đã xác định: “Đến năm 2020, ngành du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực. Thu hút được 17 - 20 triệu lượt khách du lịch quốc tế, 82 triệu lượt khách du lịch nội địa; đóng góp trên 10% GDP, tổng thu từ khách du lịch đạt 35 tỷ USD; giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 20 tỷ USD; tạo ra 4 triệu việc làm, trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp. Phân đầu đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn”.

Việc xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh nhằm thúc đẩy ngành du lịch phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có của địa phương; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, đồng thời đóng góp quan trọng vào phát triển du lịch vùng Đông Nam Bộ và nâng cao vị thế của Việt Nam. Dự thảo Quy hoạch đã đưa ra các chỉ tiêu cụ thể như: phân đầu đến năm 2025 đón gần 38 triệu lượt khách du lịch, tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 42,6 nghìn tỷ, GDP du lịch đóng góp trung bình hàng năm khoảng 1,6 tỷ USD; giai đoạn 2021 – 2025, ngành du lịch mang lại khoảng 36 nghìn việc làm cho cộng đồng, trong đó lao động trực tiếp trong ngành du lịch khoảng trên 12 nghìn lao động; phát triển du lịch gắn liền với huy động nhân lực, vật lực và tiềm năng tài nguyên; tăng cường bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng tự nhiên; 100% áp dụng công nghệ sạch đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường; 100% cơ sở kinh doanh, dịch vụ lưu trú, nhà hàng có hệ thống thu gom và hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn chất lượng môi trường... Toàn bộ dự án đầu tư du lịch sẽ đưa vào khai thác kinh doanh vào năm 2020, trong đó có 60 cơ sở đạt chuẩn từ 3-5 sao. 5 trung tâm du lịch và vùng du lịch được xác định là TP Vũng Tàu; cụm du lịch Long Hải - Phước Hải; cụm du lịch Núi Dinh - Bà Rịa, cụm du lịch Bình Châu - Hồ Linh và cụm du lịch Côn Đảo. Các loại hình du lịch nghỉ dưỡng biển, thể thao, giải trí có thể mạnh của tỉnh sẽ tiếp tục được phát huy để trở thành sản phẩm du lịch đặc thù; đồng thời tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư để đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án.

3.2. Thực trạng về du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Thế giới văn minh ngày nay đặt cho ngành du lịch nhiều tên gọi khác nhau “con gà đẻ trứng vàng”, “ngành công nghiệp không khói”, “ngòi nổ để phát triển kinh tế” và là “ngành công nghiệp số 1 của thế kỷ XXI”. Bà Rịa – Vũng Tàu (BR-VT) là một tỉnh có tiềm năng du lịch lớn bởi tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng có sức thu hút cao. Đối với BR-VT, du lịch ngày càng có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, góp phần chuyển đổi mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, tăng thu nhập cho người lao động và nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần thực hiện chính sách an sinh - xã hội. Trong những năm qua, du lịch BR-VT đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 1995 – 2010: 12,6%/năm; giai đoạn 2011 – 2015: 8,25% (khách quốc tế), 18,3%/năm (khách nội địa). Năm 2017, số lượng khách quốc tế khoảng 394 nghìn lượt người và khách nội địa khoảng 3.416 nghìn lượt người, đạt doanh thu du lịch khoảng 2.244 tỷ đồng, tăng 29,56% so với cùng kỳ năm 2016.



Bãi trước thành phố Vũng Tàu

Du lịch BR-VT đã củng cố và duy trì vững chắc với trên 15 thị trường truyền thống, trong đó một số thị trường có số lượng khách trên 1,0 triệu khách như Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ,... Thị trường khách du lịch phát triển phù hợp với định hướng chiến lược. Thị trường khách du lịch nội địa liên tục tăng trưởng đạt 16,3%/năm, phản ánh nhu cầu đi lại du lịch rất lớn của người dân Việt Nam. Chính vì thế, Nghị quyết số 08/NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của ngành công nghiệp không khói này.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2011-2017

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Ước tính 2017
1. Khách quốc tế	Nghìn lượt người	291	344	366	378	394
2. Khách trong nước	Nghìn lượt	2.215	2.570	2.853	3.256	3.416

	người					
3. Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	1.213	1.390	1.561	1.732	2.244
- Tốc độ tăng trưởng	%		+14,59	+28,69	+42,79	+29,56
- Doanh thu của cơ sở lưu trú	Tỷ đồng	1.047	1.195	1.343	1.493	1.966
- Doanh thu của các cơ sở lữ hành	Tỷ đồng	166	195	218	239	278

Nguồn: Niên giám thống kê 2017

3.3. Các nhân tố của logistics ảnh hưởng đến doanh thu du lịch tỉnh BR-VT

3.3.1. Mô hình lượng hóa

a) Mô hình định lượng

Dựa vào hàm hồi quy tuyến tính dạng $Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3$ [2] ta xây dựng mối tương quan giữa doanh thu du lịch và các yếu tố ảnh hưởng như sau:

$$(DT)Y = \beta_1 + \beta_2(LK) + \beta_3(CS) + \beta_4(HT) + \beta_5(NL) + \beta_6(VC)$$

Trong đó β_i là tham số cần xác định, ta chọn yếu tố doanh thu du lịch là biến phụ thuộc Y, các biến độc lập được đưa vào để kiểm định mức độ ảnh hưởng đến doanh thu du lịch lần lượt là: tính liên kết, phối hợp (X_2); chính sách (X_3); cơ sở hạ tầng du lịch (X_4); nguồn nhân lực (X_5); phương tiện vận chuyển (X_6).

b) Hệ thống kiểm định

Để mô hình hồi quy đảm bảo tin cậy và hiệu quả, ta cần thực hiện các kiểm định chính: (1) kiểm định tương quan từng phần của các hệ số hồi quy; (2) mức độ phù hợp của mô hình; (3) hiện tượng đa cộng tuyến.

3.3.2. Phân tích hồi quy

a) Phân tích các kiểm định $\beta_2(LK) + \beta_3(CS) + \beta_4(HT) + \beta_5(NL) + \beta_6(VC)$

Kết quả kiểm định trên phần mềm IBM SPSS 20 theo số liệu điều tra thu thập từ 60 doanh nghiệp kinh doanh về lưu trú và lữ hành từ tháng 08 năm 2017 cho đến tháng 09 năm 2017 như sau:

Bảng 2: Hệ số hồi quy (Coefficients^a)

Model	Unstandardized Coefficients B	Sig.	Collinearity Statistics VIF
(Constant)	-94,561	,000	
LK	0,241	,000	5,828
CS	3,320	,001	3,240

HT	0,149	,770	6,717
NL	9,334	,000	3,091
VC	6,426	,048	4,080

a. Dependent Variable: doanh thu du lịch

- Biến liên kết, phối hợp có ý nghĩa Sig. <0,01, do đó biến liên kết, phối hợp tương quan có ý nghĩa với doanh thu du lịch với độ tin cậy 99%.

- Biến chính sách có ý nghĩa Sig.< 0,01, do đó biến chính sách tương quan có ý nghĩa với doanh thu du lịch với độ tin cậy 99%.

- Biến có ý nghĩa Sig.< 0,01, do đó biến truy xuất nguyên liệu tương quan có ý nghĩa với doanh thu du lịch với độ tin cậy 90%.

- Biến cơ sở hạ tầng du lịch có ý nghĩa Sig.<0,05, do đó biến cơ sở hạ tầng du lịch tương quan có ý nghĩa với doanh thu du lịch với độ tin cậy 95%.

Theo kết quả kiểm định trên, độ phóng đại phương sai (VIF) nhỏ hơn 10, như vậy, các biến độc lập không có tương quan với nhau.

- Từ kết quả kiểm định trên, ta có hàm hồi quy của doanh thu du lịch là:

$$(DT)Y = -94,561 + 0,241(LK) + 3,320(CS) + 0,149(HT) + 9,334(NL) + 6,426(VC)$$

b) Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

- Mức độ giải thích của mô hình

Doanh thu du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được giải thích bởi các nhân tố ảnh hưởng là tính liên kết, phối hợp, chính sách; cơ sở hạ tầng du lịch; nguồn nhân lực và phương tiện vận chuyển. Kết quả kiểm định trên phần mềm IBM SPSS 20 như sau:

Bảng 3: Tóm tắt mô hình

R	R Square	Adjusted R Square	Change Statistics Sig. F Change	Durbin-Watson
,78	,77	,76	,000	1,651

a. Predictors (Constant): tính liên kết, phối hợp, chính sách; cơ sở hạ tầng du lịch; nguồn nhân lực và phương tiện vận chuyển.

b. Dependent Variable: Doanh thu du lịch

Trong bảng trên, R² hiệu chỉnh (Adjusted R Square) là 76%, như vậy thay đổi doanh thu du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được giải thích bởi các biến độc lập là tính liên kết, phối hợp (X₂); chính sách (X₃); cơ sở hạ tầng du lịch (X₄); nguồn nhân lực (X₅); phương tiện vận chuyển (X₆).

- Mức độ phù hợp

Bảng 4: Phân tích phương sai

Model	Sum of Squares	F	Sig.
Regression	275556,845	1030,738	,000
Residual	812,163		
Total	278467,008		

a. Dependent Variable: doanh thu du lịch

b. Predictors (Constant): tính liên kết, phối hợp, chính sách; cơ sở hạ tầng du lịch; nguồn nhân lực và phương tiện vận chuyển.

Trong bảng trên, Sig.<0,01, có thể kết luận rằng mô hình đưa ra phù hợp với dữ liệu thực tế. Hay nói cách khác, các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc với độ tin cậy 99%.

3.4. Các giải pháp về logistics cho du lịch tỉnh BR-VT

Giải pháp nâng cao nhận thức và mức ủng hộ về logistics trong phát triển du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành ngành kinh tế mũi nhọn

Phát triển logistics, trong đó có logistics du lịch - đảm bảo sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các khâu trong chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch, sử dụng các nguồn lực trong điều kiện và năng lực của tổ chức để đáp ứng tốt nhất những nhu cầu và nguyện vọng của du khách theo triết lý “JIT” với chi phí thấp nhất, sẽ tạo đột phá trong phát triển bền vững du lịch thời gian tới. Vì logistics là khoa học tối ưu hóa tổ chức và quản lý, là nghệ thuật, là sự kết nối... Nói đến logistics là nói đến hiệu quả, nói đến tối ưu hóa trong các ngành, các doanh nghiệp và nền kinh tế quốc dân, quan điểm logistics đồng nghĩa với quan điểm hiệu quả cả quá trình, chuỗi cung ứng, nó đối lập với lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm làm tổn hại đến lợi ích toàn cục, lợi ích quốc gia.

Giải pháp nâng cao sức cạnh tranh cho ngành du lịch tỉnh BR-VT cả cấp độ ngành, doanh nghiệp và sản phẩm

Ngoài việc thực hiện các chương trình đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch, cần chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng logistics du lịch nhằm kết nối các khu, điểm du lịch giữa các vùng, giảm chi phí logistics du lịch cho du khách tiếp cận điểm đến du lịch, nâng cao khả năng cạnh tranh, tính đa dạng cho các sản phẩm du lịch của BR-VT. Xây dựng Chiến lược và quy hoạch phát triển logistics của BR-VT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với vị trí là “nhạc trưởng”, logistics là loại hình dịch vụ tổng hợp, mang tính liên ngành và ứng dụng triệt để các thành quả của công nghệ thông tin. Hiệu quả quản lý logistics là kết quả của sự tham gia, phối hợp khoa học của nhiều ngành như giao thông vận tải, kế hoạch và

đầu tư, thương mại, hải quan, công nghệ thông tin... do đó cần phải xây dựng một hệ thống logistics BR-VT hiện đại được quy hoạch đầu tư xây dựng bài bản cho cả trước mắt và lâu dài. Thực tế cho thấy, quốc gia nào có hệ thống logistics phát triển thì quốc gia đó có ngành du lịch phát triển (như: Nhật Bản, Singapore, Đức, Hà Lan, Mỹ,...).

Giải pháp xây dựng cơ chế, chính sách phát triển logistics du lịch

Cơ chế, chính sách đặc biệt khuyến khích đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng logistics. Tập trung quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các trung tâm logistics (trong đó thực hiện cả các chức năng làm điểm dừng, nghỉ trên các tuyến du lịch) với phương tiện kỹ thuật hiện đại đồng bộ, được kết nối, nhằm hỗ trợ hiệu quả cho sự phát triển ngành công nghiệp du lịch như hệ thống giao thông vận tải, các nhà ga, hệ thống cảng sông, biển, cảng hàng không... Đây chính là những tiền đề quan trọng cho sự phát triển bền vững các ngành dịch vụ, trong đó có ngành du lịch và chỉ khi có một hệ thống cơ sở hạ tầng logistics phát triển, hiện đại thì mới tạo tiền đề cho du lịch có thể hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn ở Bà Rịa - Vũng Tàu.

Giải pháp xây dựng và phát triển hệ thống logistics

Logistics du lịch là gắn với hội nhập và liên kết các vùng kinh tế, các hành lang kinh tế, các khu, điểm du lịch trong nước. Đặc biệt, việc phát triển hệ thống logistics BR-VT hiện đại sẽ tạo môi trường vĩ mô thuận lợi cho ngành du lịch phát triển, khai thác được tiềm năng và thế mạnh của đất nước về du lịch trong hội nhập và phát triển.

Phát triển hoạt động logistics và tăng cường quản trị logistics nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm và các doanh nghiệp du lịch BR-VT. Doanh nghiệp cần chú trọng tập trung phát triển các dịch vụ khách hàng, dự báo nhu cầu, quá trình đặt chỗ, tối ưu hóa vận chuyển du khách, quản trị dự trữ và lựa chọn điểm đến du lịch hấp dẫn cho du khách... Các hoạt động kinh doanh du lịch phải tuân thủ quy tắc của thị trường để thu hút du khách.

Tổ chức và quản lý hiệu quả hoạt động logistics ngược trong kinh doanh dịch vụ du lịch, đặc biệt là thu gom, xử lý phế thải từ các hoạt động du lịch trên các tuyến du lịch đường bộ, khu và điểm du lịch, điểm dừng nghỉ (hiện còn tự phát) nhằm bảo tồn và tôn tạo tài nguyên du lịch, luôn bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Đồng thời tổ chức và quản lý tốt các hoạt động logistics ngược trong các hoạt động cung ứng, mua bán hàng hóa, dịch vụ, xuất khẩu tại các điểm du lịch của các địa phương, thành phố.

Cần tập trung quy hoạch và xây dựng các trung tâm logistics tại điểm kết nối các loại phương tiện vận tải mà các địa phương, vùng lãnh thổ có lợi thế như đường bộ, đường biển, đường không hoặc trên các hành lang kinh tế của các tuyến Quốc lộ 51; Quốc lộ 55 và 56, đường ven biển và các tuyến du lịch đường bộ khác... Các trung tâm này vừa thúc đẩy phát triển bền vững du lịch theo hướng văn minh, chuyên nghiệp; vừa quảng bá, lưu

thông hàng hóa, dịch vụ; đồng thời thực hiện các chức năng cứu hộ, cứu nạn giao thông mà ngành y tế dự kiến xây dựng trong thời gian tới. Đây chính là yếu tố quan trọng trong hệ thống logistics nhưng thực sự chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, lâu nay “bị bỏ quên” cả trong quy hoạch xây dựng và phát triển hệ thống đường bộ, đường cao tốc... ở BR-VT.

Giải pháp đào tạo và phát nguồn nhân lực logistics cho ngành du lịch

Nhân lực logistics nói chung và nhân lực logistics du lịch nói riêng hầu như chưa được quan tâm đào tạo ở BR-VT. Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch cũng cần được trang bị kiến thức logistics để tổ chức và quản lý khoa học các hoạt động du lịch; thuận lợi hóa trong việc đặt dịch vụ du lịch online và phát triển hiệu quả thương mại điện tử trong ngành dịch vụ du lịch BR-VT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ghiani Gianpaolo (2013), *Introduction to logistics systems management*, John Wiley & Son.
- [2] Veeke Hans P. M (2003), *Simulation Integrated Design for Logistics*, Delft University Press.
- [3] Lincoln J. R., Ahmadjian C. L. and Mason E., (1998), *Organization learning and purchase- supply relations in Japan: Hitachi*.
- [4] UBND tỉnh BR-VT (2017), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017*.
- [5] Sở Du lịch tỉnh BR-VT (2017), *Báo cáo thực hiện kế hoạch du lịch năm 2017*.
- [6] Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2017), *Niên giám thống kê năm 2016*
- [7] Nguyễn Quang Dong (2005), *Bài giảng kinh tế lượng*, NXB Thống kê.